

VĂN HOÁ DÂN GIÀN VIỆT NAM



GIẢNG VIÊN: TRẦN LONG

GIẢNG VIÊN: TS. TRẦN LONG

EMAIL: trlong60@gmail

MOBIL: 0918 292053

NGHIÊN CỨU: VĂN HOÁ & NGÔN NGỮ

CHUYÊN GIẢNG: TIẾNG VIỆT & VĂN HOÁ VIỆT NAM

**MÔN GIẢNG: MỸ HỌC, VĂN HOÁ DÂN GIAN, VĂN
HOÁ NÔNG THÔN, TRIẾT LÝ ÂM DƯƠNG, CƠ SỞ
VĂN HOÁ VIỆT NAM, LÝ THUYẾT VĂN BẢN, DẪN
LUẬN NGÔN NGỮ HỌC, TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH**

<http://tran-long-blog-1.mozello.com>

HƯỚNG DẪN HỌC

- **Cách học tập nhóm**
- **Cách thuyết trình**
- **Cách làm tiểu luận**
- **Cách ... theo chuẩn đầu ra ...**
- **Thang điểm đánh giá các hình thức kiểm tra công khai (bảng rubrit)**

CH.1- NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Văn hoá dân gian ?

Văn hoá dân gian dịch từ thuật ngữ folklore.

Một số quan niệm về văn hoá dân gian trên thế giới

*** Folklore được dùng để chỉ:**

- **những cách thức (về phương thức sống)**
- **những tục lệ, lễ lạt, sự mê tín**
- **các khúc hát ballat, tục ngữ**

***“những cách thức, tục lệ, lễ lạt, sự mê tín, các khúc hát ballat, tục ngữ... của thời xa xưa”
(Richard Bauman)***

(Khởi đầu)

*** folklore chỉ giới hạn trong
sáng tạo tinh thần ⇔ nghệ thuật ngôn từ
(thể loại thơ văn dân gian)**

***“Chúng ta quan niệm folklore chỉ là những sáng
tạo tinh thần, hơn nữa, chỉ là những sáng tạo
nghệ thuật ngôn từ”***

**(Vladimir Propp: “Folklore và thực tại” Bản dịch Chu Xuân
Diên,**

William R. Bascom:)

(Hướng hẹp)

- **folklore bao gồm:**

những hiện tượng văn hoá vật chất
những hiện tượng văn hoá tinh thần
(Archer Taylor)

được lưu truyền bằng lời nói
hoặc phong tục trong nhân dân

- (Hương rộng)

“Folklore là tư liệu được truyền lại bằng lời nói hoặc phong tục tập quán. Đó có thể là bài hát dân gian (folksong), truyện kể dân gian (folktale), câu đố (riddle), tục ngữ (proverb), hay những tư liệu khác được lưu giữ bằng lời, là những công cụ và vật thể cổ truyền như tấm hàng rào hay cái nút buộc, cái búi tóc trên đầu, hoặc những quả trứng trong lễ phục sinh; vật trang trí cổ truyền như bức thành Tor – roa; hay những biểu tượng truyền thống như hình chữ thập ngoặt (swastika), là những phong tục truyền thống như ném muối qua vai hay đập mạnh tay lên gối, là những niềm tin cổ truyền như cây côm cháy chữa được các chứng bệnh đau mắt. Tất cả những cái đó đều là folklore”. (Archer Taylor)

Một số quan niệm về văn hoá dân gian ở Việt Nam

Lúc đầu, folklore được hiểu là “văn học dân gian” hay “văn nghệ dân gian”

❑ **Đình Gia Khánh**

Thuật ngữ văn hoá dân gian Việt Nam hiểu theo nghĩa rộng thì tương đương với thuật ngữ quốc tế folk culture (bao gồm toàn bộ văn hoá vật chất và tinh thần của dân chúng), hiểu theo nghĩa hẹp là “folk culture tiếp cận dưới giác độ **thẩm mỹ**”

□ **Ngô Đức Thịnh**

Văn hoá dân gian Việt Nam bao gồm **ngữ văn dân gian, nghệ thuật dân gian, tri thức dân gian, tín ngưỡng, phong tục và lễ hội**. Quan niệm này rộng hơn, thể hiện hướng tiếp cận nghiên cứu văn hoá dân gian mang tính tổng thể nguyên hợp của văn hoá học”. (Văn hoá dân gian, một chặng đường nghiên cứu, Ngô Đức Thịnh)

“Folklore trong nguyên nghĩa tiếng Anh là trí tuệ (lore) dân gian (folk), với thời gian trôi chảy đã bao hàm một trường ngữ nghĩa rộng lớn hơn nhiều” => không thể dịch là “văn học dân gian” hay “văn nghệ dân gian” (Trần Quốc Vượng).

□ **Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Vũ**

“Theo đúng nghĩa, văn hóa dân gian là nền văn hóa của dân chúng. Văn hóa này gồm cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Nội hàm của nó có vấn đề phương thức sản xuất ra của cải, có phong tục tập quán, sinh hoạt tinh thần, tri thức tự nhiên và xã hội, quan niệm đạo đức, nhận thức, tình cảm về thế giới và nhân sinh”. [Từ điển văn hoá dân gian]

**NHẬN XÉT VỀ NHỮNG CÁCH
GIẢI THÍCH
CỤM TỪ “VĂN HOÁ DÂN GIAN”?**

- + Cách giải thích khái niệm phụ thuộc đối tượng nghiên cứu và quá trình nghiên cứu VHDG
 - Nội hàm khái niệm phản ánh đối tượng nghiên cứu (VHDG) qua các giai đoạn phát triển của nó
 - Nội hàm khái niệm phản ánh thực trạng nghiên cứu VHDG qua các thời kì
- + Các cách giải thích thể hiện thao tác nghiên cứu của các học giả đi trước
 - Các nhà nghiên cứu cố gắng xác định cụ thể các thành tố của VHDG
 - Các thành tố chưa có tính hệ thống, còn trùng lặp giữa các thành tố

Văn hoá dân gian

1. Văn hoá dân gian là tất cả các sản phẩm vật chất và tinh thần, những quy ước xã hội do người bình dân sáng tạo, gìn giữ qua nhiều thế hệ.
2. Văn hoá dân gian là tổng thể những sản phẩm vật chất, phi vật chất và những quá trình hoạt động có giá trị của người bình dân nhằm đáp ứng những đòi hỏi về mặt vật chất và thoả mãn những nhu cầu về đời sống tinh thần của cộng đồng

Những đặc điểm cơ bản của văn hóa dân gian

- **Tính truyền miệng:** Lưu truyền trong dân gian bằng hình thức truyền khẩu, bày lại, chỉ lại.
- **Tính tập thể:** Sản phẩm của nhiều người, khó định rõ nguồn gốc chủ nhân.
- **Tính dị bản.**
- **Tính đa dạng:** phản ánh mọi mặt đời sống + ngẫu hứng sáng tạo -> phong phú về đề tài + phong phú về hình thức thể hiện và thủ pháp sáng tác
- **Tính giản dị về phương thức thể hiện:** Trừ trường ca và sử thi xuất hiện muộn, các hình thức khác của VHĐG đều mộc mạc trong cách thể hiện.

Về một số thuộc tính cơ bản

1. Truyền miệng – Tại sao?
2. Ngoài truyền miệng có hình thức nào khác?
3. Dị bản - Tại sao?

Truyền miệng – Tại sao? Do thời gian hình thành VHĐG rất sớm, khi chưa có chữ viết

Ngoài truyền miệng có cách thức nào khác?
Cách bày lại, chỉ lại trong những lĩnh vực như: mưu sinh, sáng tạo nghệ thuật...

Dị bản - Tại sao? Do cách giải quyết vấn đề trong xã hội tùy theo chủ thể tham gia lưu truyền - tái tạo tác phẩm nghệ thuật: quan niệm về thiện ác, về sự công bằng, tình cảm đối với quê hương (vùng miền) ...)

Các chức năng của VHĐG

- + Chức năng lưu trữ:** Bảo lưu, nuôi dưỡng những giá trị tinh thần, giữ gìn các giá trị truyền thống của dân tộc.
- + Chức năng thúc đẩy - cải tạo xã hội:** Kích thích tinh thần lao động sản xuất ra của cải vật chất và sáng tạo nghệ thuật.
- + Chức năng thẩm mỹ:** Thỏa mãn nhu cầu về đời sống tinh thần của đông đảo quần chúng lao động, là món ăn tinh thần không nhàm chán của người lao động.
- + Chức năng tạo nguồn:** Cơ sở của nền văn hoá chuyên nghiệp, bác học.
- + Chức năng giáo dục:** Phương tiện giáo dục, giáo hóa con người về đạo đức, thẩm mỹ.

Câu hỏi thảo luận 2

*** ĐẶC ĐIỂM CỦA
VĂN HOÁ DÂN GIAN?**

*** CHỨC NĂNG CỦA
VĂN HOÁ DÂN GIAN?**

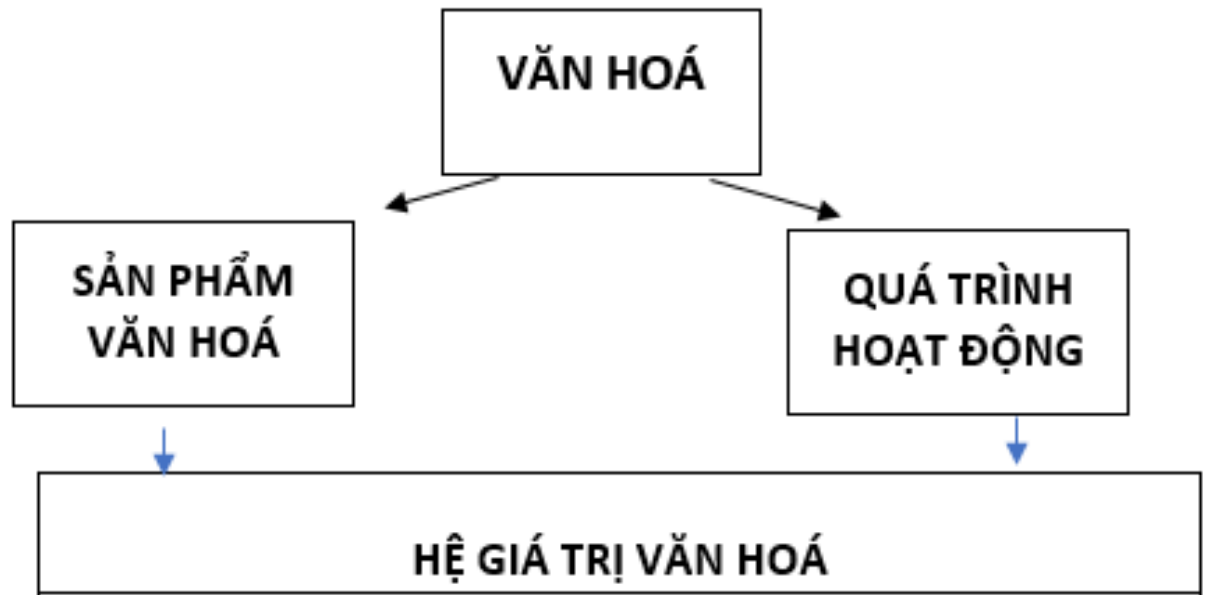
CẤU TRÚC CỦA VĂN HOÁ

- * CẤU TRÚC THEO CÁCH TIẾP CẬN TỔNG THỂ
- * CẤU TRÚC THEO CÁCH TIẾP CẬN BỘ PHẬN

CẤU TRÚC VĂN HOÁ THEO HƯỚNG TIẾP CẬN TỔNG THỂ

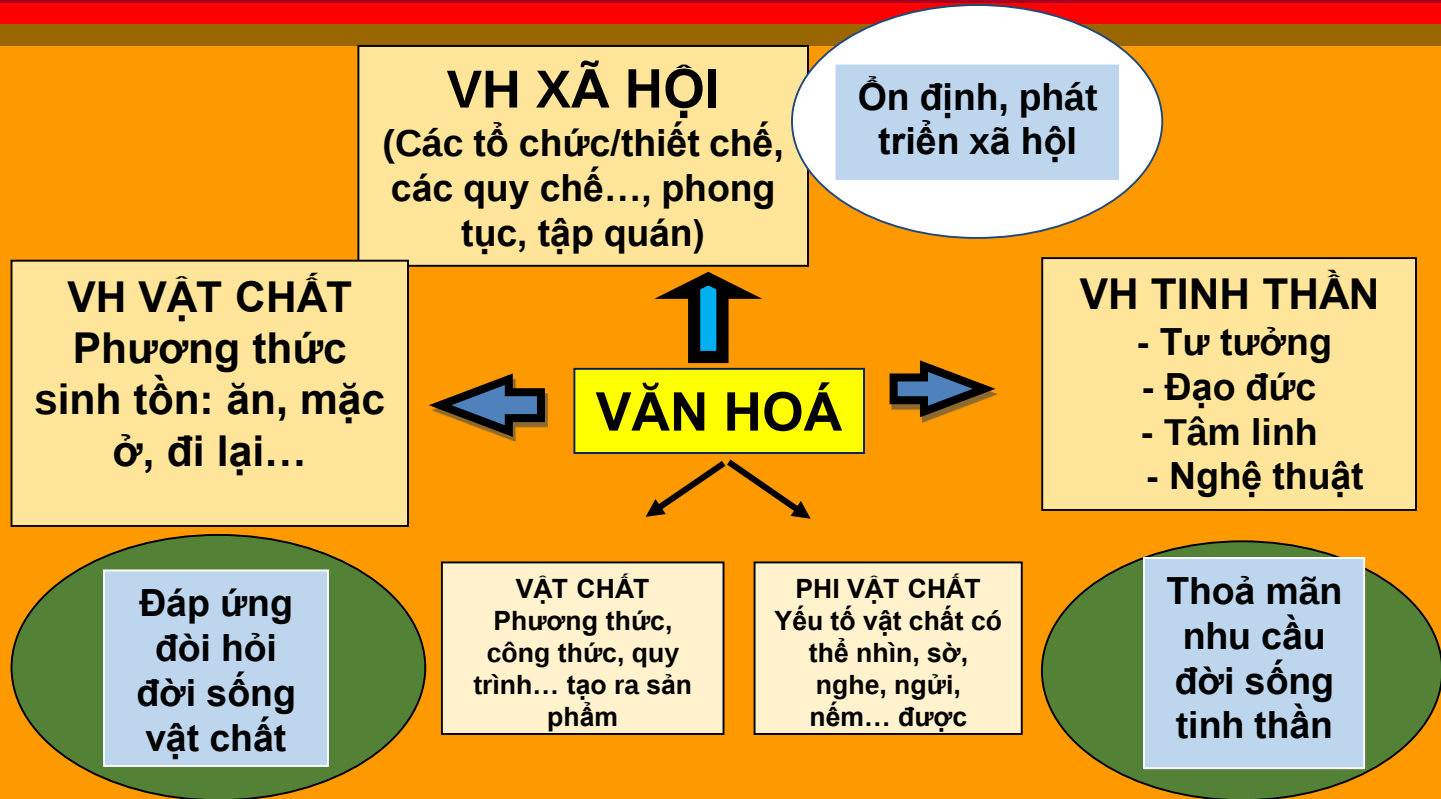
Cấu trúc bề mặt
(surface structure)

Cấu trúc sâu
(deep structure).



CẤU TRÚC VĂN HOÁ THEO HƯỚNG TIẾP CẬN BỘ PHẬN

Cấu trúc theo sản phẩm văn hoá



Cấu trúc theo hoạt động của chủ thể văn hoá

VĂN HOÁ

NHẬN THỨC

- Nhận thức tự nhiên
- Nhận thức xã hội

TỔ CHỨC

- Tổ chức mưu sinh
- Tổ chức quản lý & sinh hoạt cộng đồng

ỨNG XỬ

- Ứng xử với môi trường tự nhiên
- Ứng xử trong xã hội

TÁI HIỆN

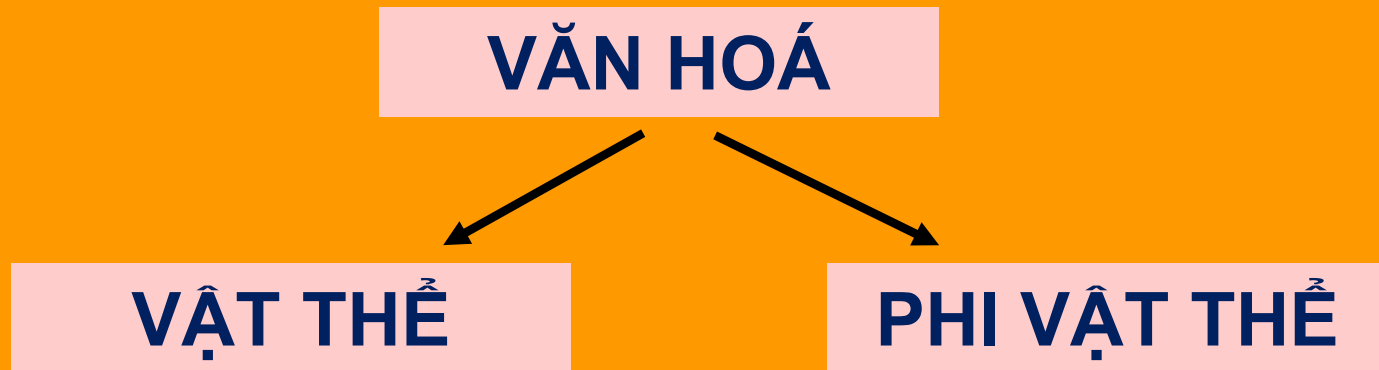
- Các loại hình nghệ thuật



Các thành tố có quan hệ và tác động qua lại



Cấu trúc theo quản lý di sản văn hoá



TỔNG HỢP CẤU TRÚC VĂN HOÁ

	Sản phẩm	Quá trình hoạt động
Cấu trúc bề mặt	- văn hoá vật chất + văn hoá tinh thần - văn hoá vật thể + văn hoá phi vật thể - văn hoá xã hội	- văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức, văn hoá ứng xử, văn hoá quản lý, văn hoá ứng xử, văn hoá mưu sinh, văn hoá giáo dục, văn hoá sáng tạo nghệ thuật...
Cấu trúc sâu	Hệ giá trị (hệ thống những thuộc tính mang lại lợi ích cho chủ thể)	

Cấu trúc văn hóa dân gian

**Các dạng của
cấu trúc văn hoá dân gian
(Thực tiễn và cách tiếp cận mới)**

1/ Cấu trúc theo nhóm thể loại nghệ thuật

- ***Nhóm văn học dân gian có:***

- Nói. kể gồm: tục ngữ, truyện cổ tích, truyện tiểu lâm
- Ví, vè, hò, hát (ca) gồm: ca dao, dân ca, thể loại vè

- ***Nhóm sân khấu dân gian có:***

Diễn trò, múa (vũ) gồm: trò diễn, chèo, các điệu múa dân gian

- ***Nhóm mỹ thuật dân gian có:***

Vẽ (hoạ), điêu khắc gồm: tranh, tượng, gốm ...

2/ Cấu trúc theo nội dung phản ánh

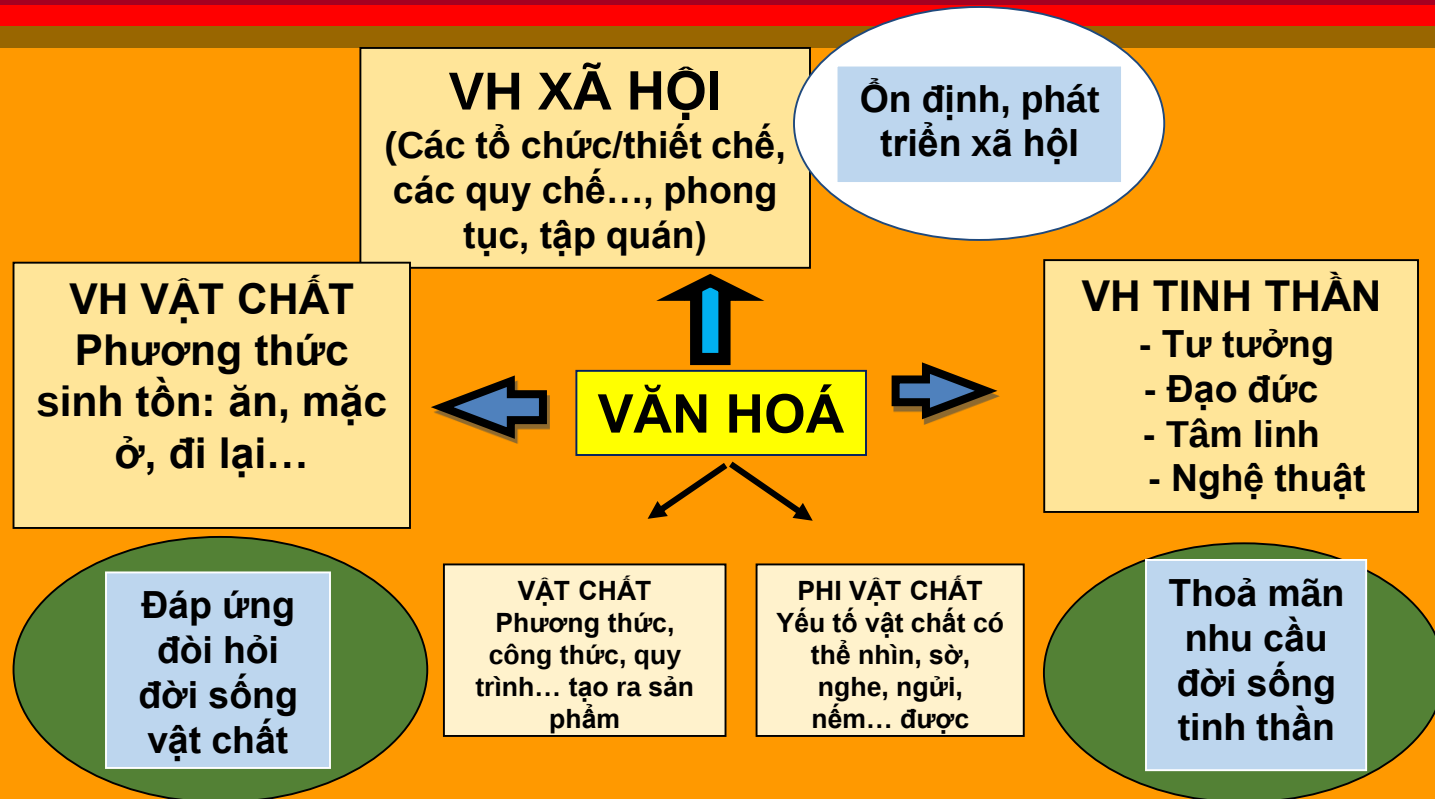
- *Tri thức dân gian:* Sản phẩm trí tuệ được dân chúng gìn giữ, lưu truyền nhằm duy trì và phát triển đời sống cộng đồng
- *Phong tục dân gian:* Những thói quen sinh hoạt trở thành quy ước chung, tri thức chung của tầng lớp bình dân, thậm chí của cả cộng đồng
- *Lễ hội và trò chơi dân gian:* Hình thức sinh hoạt có tính tập thể, tồn tại do ý muốn và nguyện vọng của cộng đồng

3/ Cấu trúc theo hoạt động của chủ thể

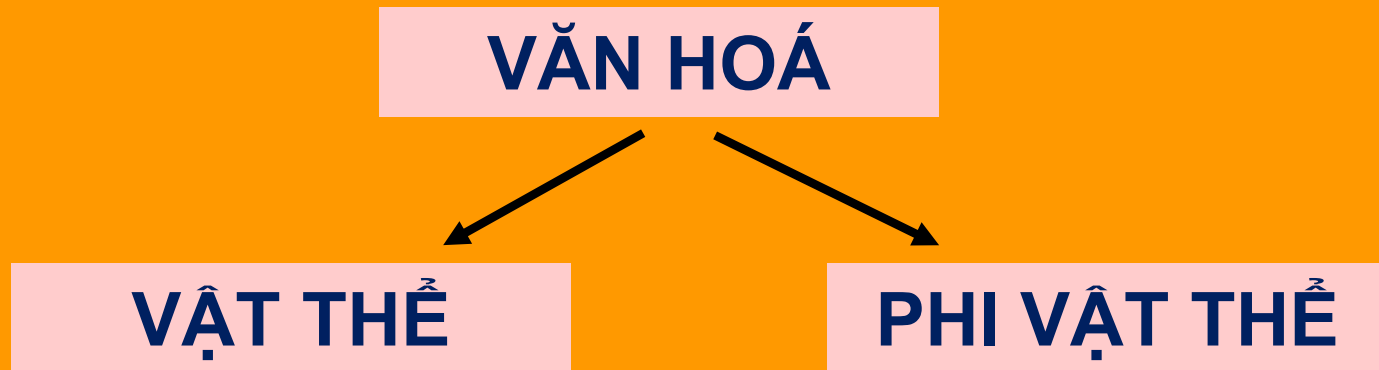
- Nhận thức
- Tổ chức
- Ứng xử
- Tái hiện

Chủ thể Quan hệ	Nhận thức, khám phá		Ứng xử, tổ chức		Tái hiện, sao chụp	
Tự nhiên	Giải thích bản chất và quy luật tự nhiên	Tri thức vũ trụ, con người	- Khai thác - Đồi phó, hoà hợp - Tôn tạo, tổ chức lại	Phương thức sinh tồn	Tái hiện tự nhiên	Các loại hình nghệ thuật
Xã hội	Giải thích bản chất và quy luật xã hội	Tri thức xã hội, đời sống tâm linh	- Tổ chức thiết chê, ngành nghề - Định hướng - Điều chỉnh - Cải tạo - Giao lưu, tiếp biên	Phương thức tổ chức, quản lí	Tái hiện xã hội	

4/ Cấu trúc dựa trên cách phân chia truyền thống



5/ Cấu trúc theo quản lý di sản



Nghiên cứu văn hoá dân gian Việt Nam

* Mục tiêu:

- Hiểu được VHDG là bộ phận quan trọng của văn hóa dân tộc -> thể hiện đặc trưng VH DT
- biết cách phân tích, tổng hợp các thành tố trong quá trình nghiên cứu văn hóa dân gian
- trang bị hệ thống tri thức nhằm tạo tiền đề để nghiên cứu sâu trong ngành văn hoá học
- học nhân cách sống người bình dân

* Đối tượng:

- là một đối tượng nghiên cứu đặc thù do quá trình hình thành và phát triển phức tạp;
-> *không thể áp dụng khung lý thuyết châu Âu để nghiên cứu*

Nghiên cứu văn hoá dân gian Việt Nam

* Phương pháp:

- Điền dã, so sánh/so sánh xa (tiêu chí so sánh)
VH dân gian Việt Nam – VH dân gian thế giới
- Xác định ranh giới
VH dân gian – VH bác học
VH dân gian – VH nông thôn – VH làng xã

SO SÁNH VH DÂN GIAN VÀ VH BÁC HỌC

Bộ phận Đặc điểm	Văn hoá dân gian	Văn hoá bác học
Sáng tạo	Ngẫu hứng	Dựa trên lí luận
Phương thức truyền	Truyền miệng	Chữ viết, văn bản
Văn bản truyền	Dị bản	Nguyên bản
Tác giả	Tập thể, không xác định	Cá nhân, xác định
Phạm vi truyền	Thôn dã, đô thị	Đô thị
Hình thức - kết cấu	Ngắn gọn, giản dị	Đa tầng, phức tạp
Đề tài	Thôn dã, đô thị	Đô thị
Tư tưởng tác phẩm	Đạo lý nhân dân	Đạo lý tầng lớp trên

SO SÁNH KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP VÀ CHUYÊN NGHIỆP

Hình thức Đặc điểm	Không chuyên nghiệp	Chuyên nghiệp
Thời gian	Không xác định lượng thời gian/ sản phẩm	Xác định lượng thời gian/ sản phẩm
Chủ thể	Không sống bằng sản phẩm. Ít chú ý tạo dấu ấn cá nhân	Sống bằng sản phẩm. Chú ý tạo dấu ấn cá nhân
Nội dung kết cấu	Theo cảm hứng bất chợt	Theo mô típ, hệ thống
Hình thức	Đa dạng phong phú	Theo thể thức, quy củ
Xu hướng	Bình dân, quần chúng Tài tử	Bác học hoá, cá thể hoá Quy chuẩn hoá

ĐỐI CHIẾU VĂN HOÁ DÂN GIAN VỚI CÁC MẢNG VĂN HOÁ TIẾP GIÁP

Mảng văn hoá Tiêu chí	Văn hoá dân gian	Văn hoá nông thôn	Văn hoá làng xã
Không gian	Nông thôn + đô thị	Chỉ ở nông thôn	Gắn với một đơn vị hành chính làng xã
Chủ thể	Tầng lớp bình dân	Tầng lớp bình dân + bộ phận trí thức PK	Tầng lớp bình dân + bộ phận trí thức PK
Hình thái KT-XH	Tất cả các hình thái KT-XH	Tất cả các hình thái KT-XH	Từ XH phong kiến trở đi
Phạm vi thời gian	Không xác định	Không xác định	Xác định giai đoạn
Tính bác học	Không có	Mức độ thấp	Mức độ thấp

Câu hỏi thảo luận 3

- * ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA VĂN HOÁ DÂN GIAN VIỆT NAM?**
- * PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ DÂN GIAN VIỆT NAM?**

CHƯƠNG 2:

NHẬN DIỆN VĂN HOÁ DÂN GIAN VIỆT NAM

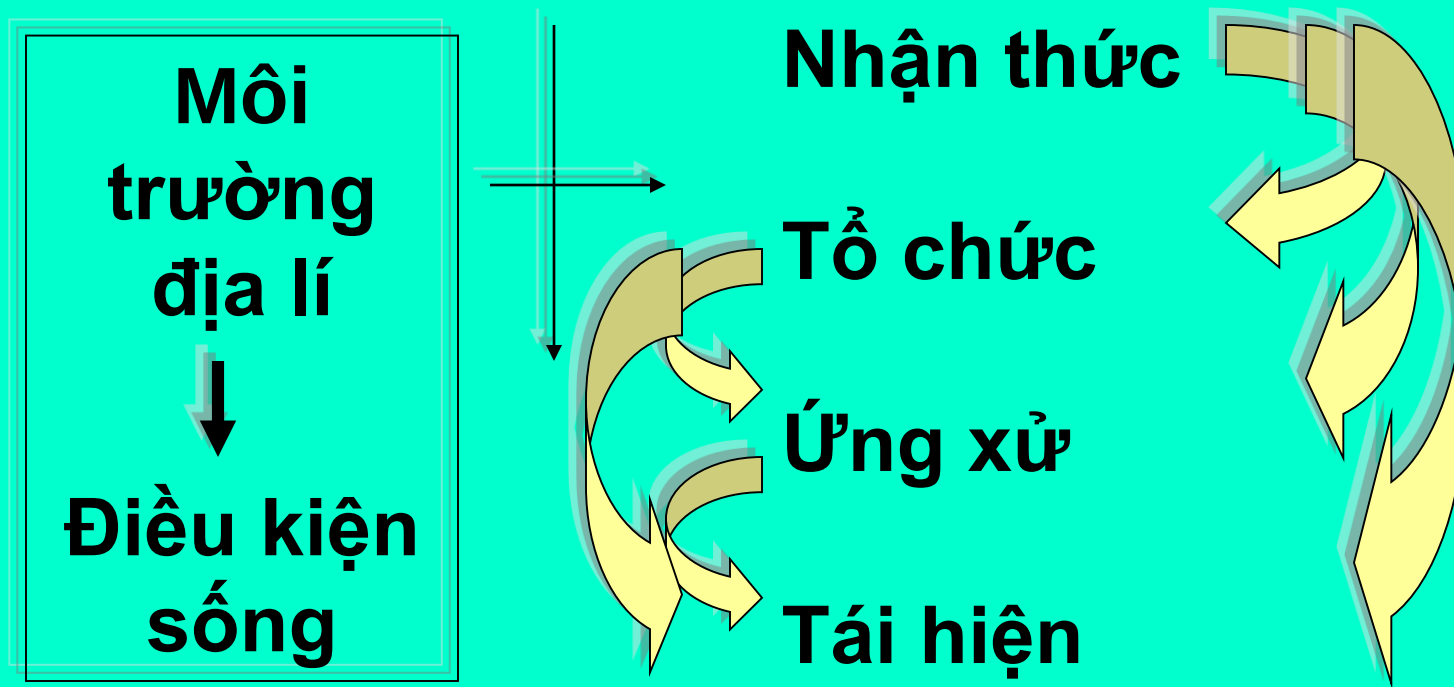
Hệ thống các thành tố

(dựa vào hoạt động của chủ thể)

- Nhận thức
- Tổ chức
- Ứng xử
- Tái hiện (sáng tạo nghệ thuật)

Quan hệ giữa các thành tố

(sự tương tác, chi phối)



Văn hoá nhận thức của người bình dân Việt Nam

Nhận thức?

Nhận thức là hoạt động tâm lý nhằm tìm hiểu những sự vật, hiện tượng trong cuộc sống mà con người chưa biết, chưa hiểu rõ

Văn hoá nhận thức

- là sản phẩm do con người tạo ra/ là những tri thức về vũ trụ và con người
- kiểu, dạng (hoặc cách thức, hình thức) tư duy mà con người lựa chọn để tìm hiểu thế giới, con người (phân tích hay tổng hợp, thực nghiệm hay siêu nghiệm, biện chứng hay siêu hình ...)
- > đặc điểm tư duy (dân tộc, khu vực) => bản sắc

Sản phẩm nhận thức về vũ trụ và con người

(xác lập các mô hình về vũ trụ, con người)

Không gian, thời gian

Không gian

Trục cao sâu và trục ngang dọc

Thời gian

Lịch mặt trời và lịch mặt trăng

Không gian nhìn theo trục cao - sâu

Trời
|
Người
|
Đất

- ❑ Con người được đặt trong mối quan hệ giữa trời và đất: “Trời cao, đất dày”, “Trời sinh đất dưỡng”
- ❑ Trời đất được nhận thức vừa là một lực lượng tự nhiên vừa là lực lượng có nhân cách -> thờ cúng
- ❑ Bên cạnh thế giới người, dân gian còn tin rằng có một thế giới khác của thần thánh, ma quỷ.
- ❑ Nhận thức vừa thực nghiệm vừa siêu nghiệm

Không gian nhìn theo trục ngang – dọc

BẮC

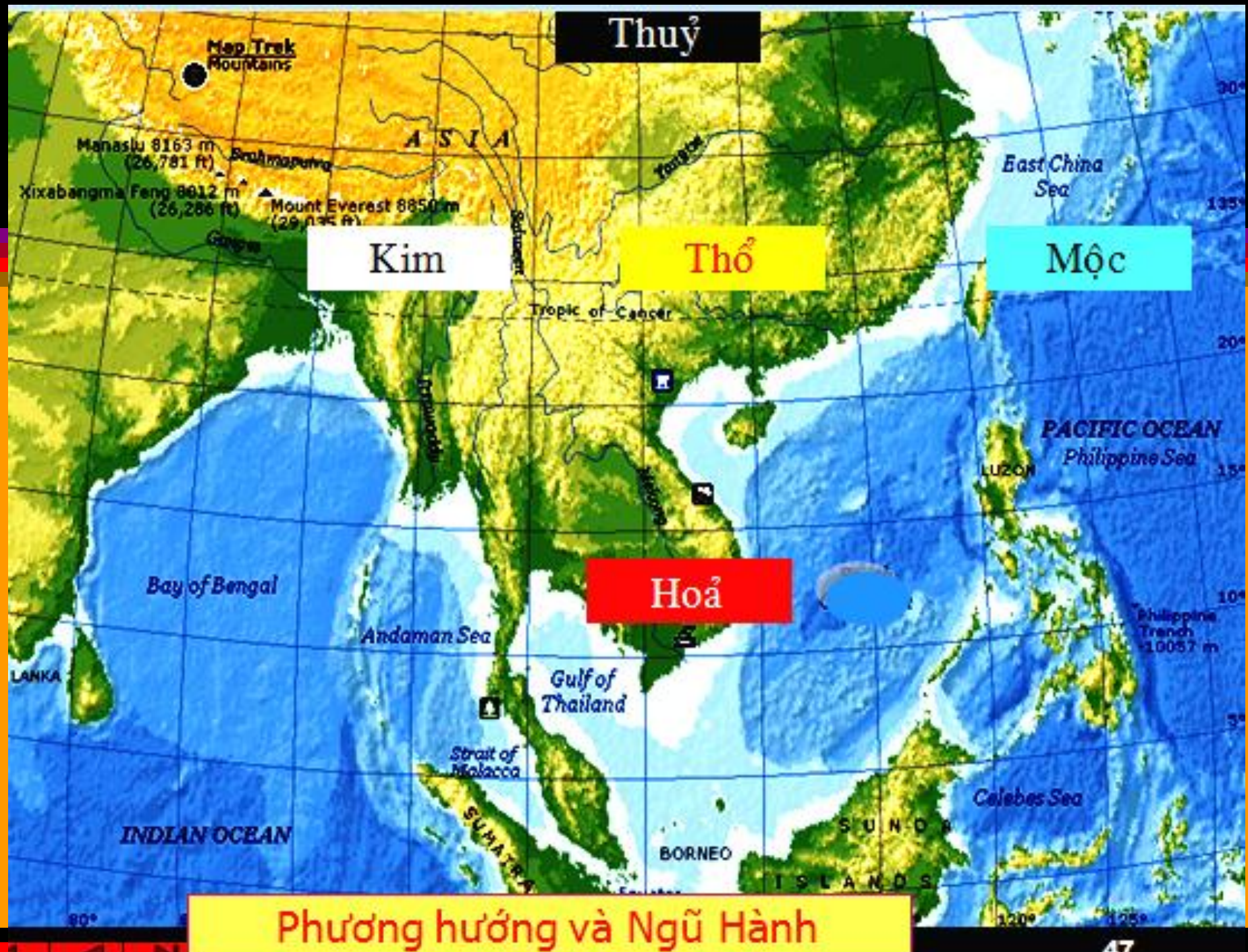
|

TÂY - GIỮA - ĐÔNG

|

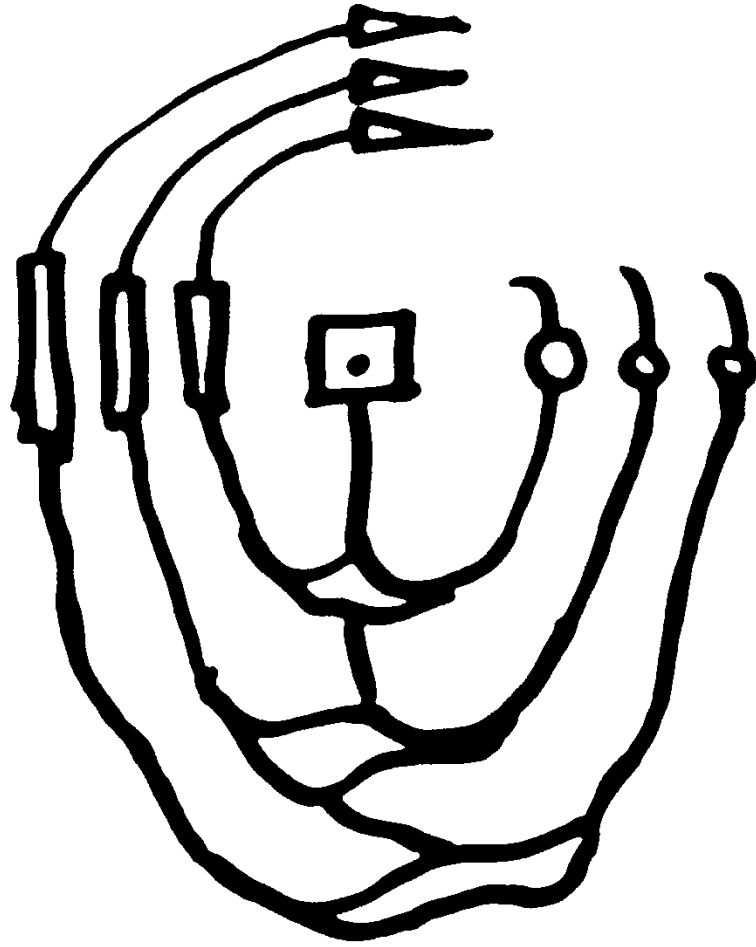
NAM

- * Từ 4 phương sẽ phân thành 8 hướng
- * Dân gian còn có cách gọi 9 phương trời, 10 phương Phật
- * Các phương theo trục ngang dọc là cơ sở của Ngũ Hành (có cơ sở từ quan sát của dân gian)

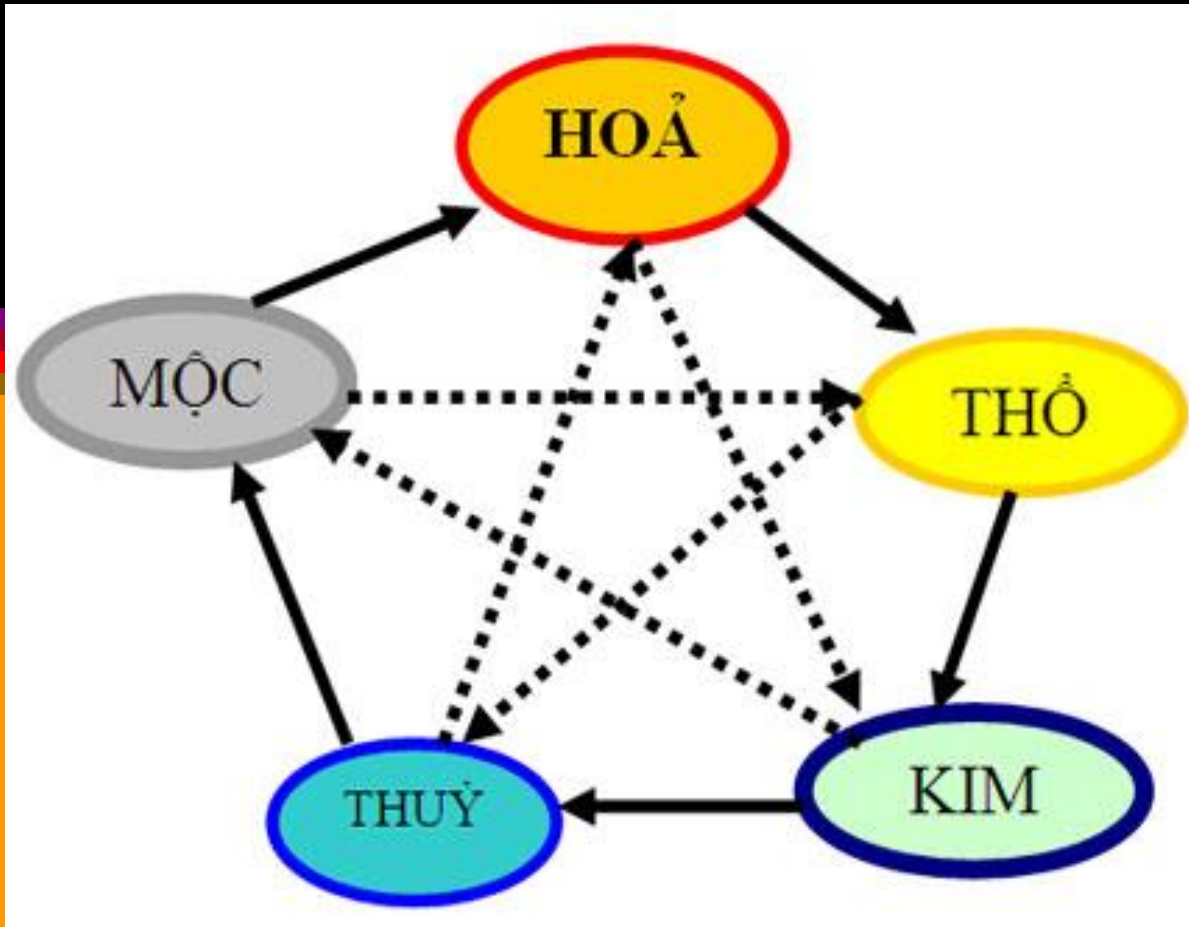


Ngũ Hành Bình diện	Thủy	Mộc	Hoả	Thổ	Kim
Phương hướng	Bắc	Đông	Nam	Trung ương	Tây
Mùa	Đông	Xuân	Hạ	Tứ quý	Thu
Màu	Đen	Xanh	Đỏ	Vàng	Trắng
Thế đất	Ngoắn ngoè	Dài dài	Nhọn	Vuông	Tròn
Vật biểu	Rùa	Rồng	Chim	Người, khí	Hổ

Thế đất hội đủ Ngũ Hành



NGŨ HÀNH TƯƠNG SINH, TƯƠNG KHẮC



MÔ HÌNH VỀ THỜI GIAN

Lịch

ÂM DƯƠNG

VÀ

HỆ CAN CHI

DƯƠNG LỊCH Á ĐÔNG

**Cách tính 24 tiết trong năm
theo mặt trời**





24 tiết

4/02	315 ⁰	Lập xuân (đầu xuân)	20/02	330 ⁰	Vũ thủy (ấm ướt)
6/03	345 ⁰	Kinh trập (sâu nở)	21/03	0 ⁰	Xuân phân (giữa xuân)
3/04	15 ⁰	Thanh minh (trong sáng)	21/04	30 ⁰	Cốc vũ (mưa rào)
6/05	45 ⁰	Lập hạ (đầu hè)	22/05	60 ⁰	Tiểu mãn (lúa xanh)
6/06	75 ⁰	Mang chủng (lúa trổ)	22/06	90 ⁰	Hạ chí (giữa hè)
8/07	105 ⁰	Tiểu thử (nắng vừa)	23/07	120 ⁰	Đại thử (nắng to)
8/08	135 ⁰	Lập thu (đầu thu)	24/08	150 ⁰	Xử thử (mưa ngâu)
8/09	165 ⁰	Bạch lộ (nắng yếu)	23/09	180 ⁰	Thu phân (giữa thu)
8/10	195 ⁰	Hàn lộ (mát mẻ)	24/10	210 ⁰	Sương giáng
8/11	225 ⁰	Lập đông (đầu đông)	23/11	240 ⁰	Tiểu tuyết (tuyết nhẹ)
8/12	255 ⁰	Đại tuyết (tuyết nhiều)	22/12	270 ⁰	Đông chí (giữa đông)
6/01	285 ⁰	Tiểu hàn (chớm lạnh)	21/01	310 ⁰	Đại hàn (lạnh giá)

Tên gọi 24 tiết theo tiếng Việt (ứng với cách gọi theo Hán Việt)

Đầu xuân	Ấm ướt	Sâu nở	Giữa xuân	Trong sáng	Mưa rào	Đầu hạ	Duối vàng	Tua rua	Giữa hạ	Nắng oi	Nóng nực
Lập xuân	Vũ thủy	Kinh trập	Xuân phân	Thanh minh	Cốc vũ	Lập hạ	Tiểu mãn	Mang chủng	Hạ chí	Tiểu thử	Đại thử

Đầu thu	Mưa ngâu	Nắng nhạt	Giữa thu	Mát mẻ	Sương sa	Đầu đông	Hạnh heo	Khô úa	Giữa đông	Chớm rét	Giá rét
Lập thu	Xử thử	Bạch lộ	Thu phân	Hàn lộ	Sương giáng	Lập đông	Tiểu tuyết	Đại tuyết	Đông chí	Tiểu hàn	Đại hàn

LỊCH ÂM

Cách tính tháng âm theo tượng trắng

LỊCH ÂM DƯƠNG

- ❑ Cân chỉnh sự chênh lệch giữa lịch Âm và lịch Dương.
 - 1 năm Âm lịch ít hơn 1 năm Dương lịch là 11 ngày
 - 3 năm lịch Âm sẽ ít hơn 3 năm Dương lịch 33 ngày (tương đương 1 tháng)
 - Sau 36 năm, lịch Âm sẽ ít hơn lịch Dương 12 tháng (tương đương 1 năm)
- (Như vậy, qua 36 năm, thời điểm đầu năm Âm Lịch sẽ rải đều trong các tháng Dương lịch)
- Để tạo thể cân bằng, cứ mỗi chu kỳ 3 năm Âm lịch người ta đặt 1 tháng nhuận (năm nhuận có 13 tháng, tức có 13 lần trăng tròn). Sau năm nhuận, thời điểm đầu năm của lịch Âm và lịch Dương lại cùng song hành.

HỆ ĐẾM CAN CHI

(Cách đổi năm Tây lịch sang năm Can Chi)

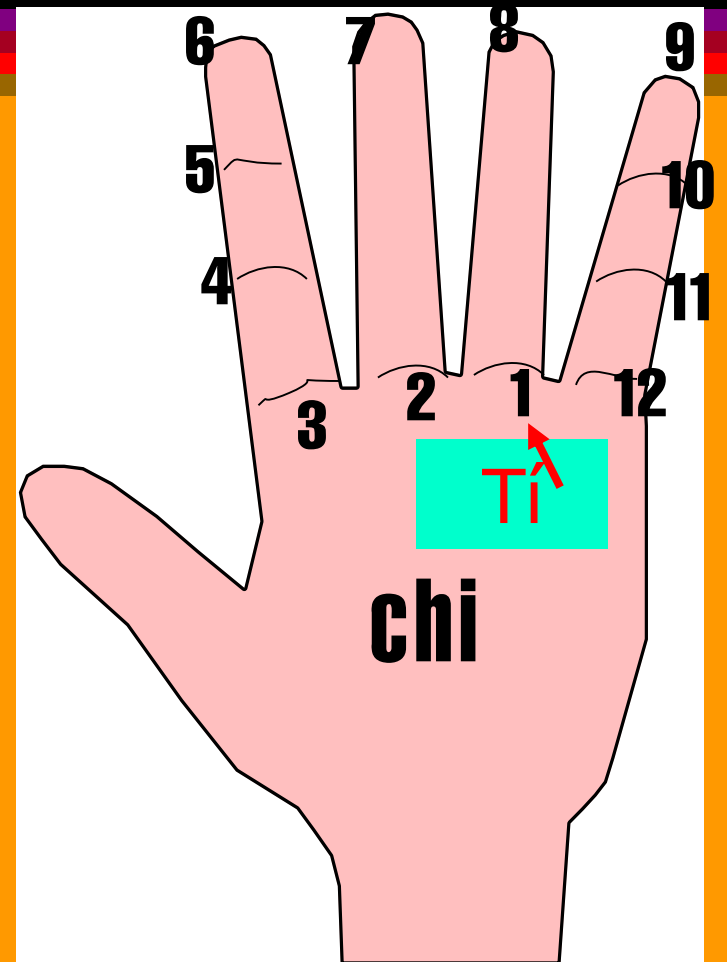
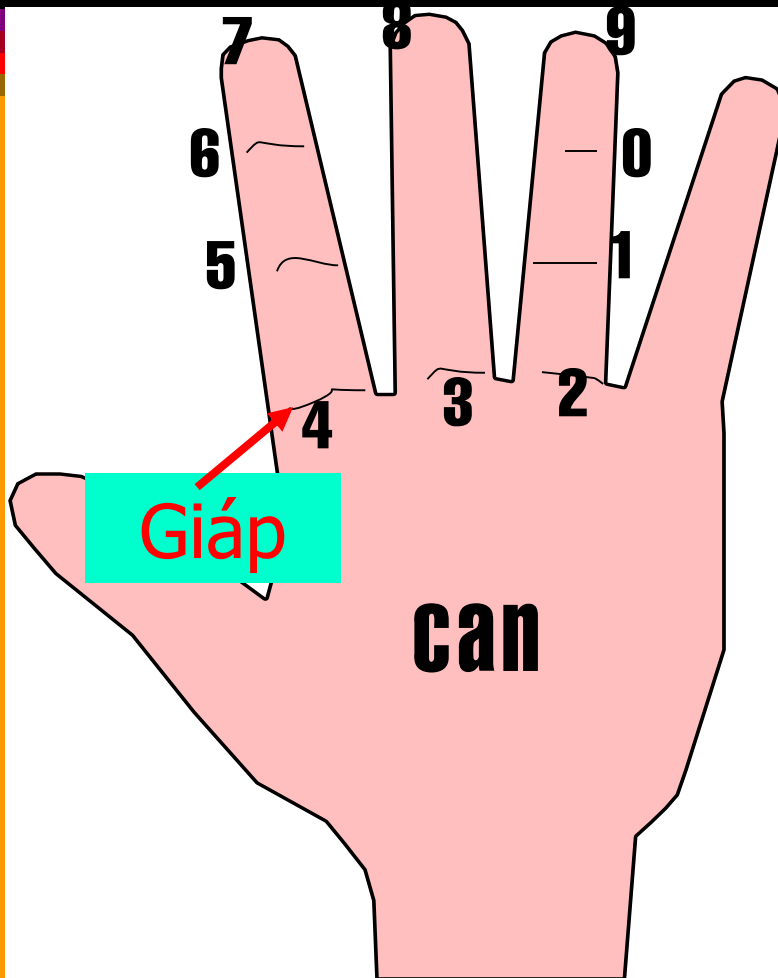
Thập thiên can

Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỉ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
4	5	6	7	8	9	0	1	2	3

Thập nhị địa chi

Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tị	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Can chi trên bàn tay trái



□ **Đổi năm Dương lịch → năm Can Chi**

$$C = d[(D-3):60]$$

$$C = d[(D-3):12]$$

- **C = năm Can - Chi**
- **D = năm Dương lịch**
- **d = số dư của phép chia**

Bảng kết hợp can chi

Chi Can	Tí +	Sửu —	Dần, M + —	Thìn, Tỵ + —	Ngọ, M + —	Thân, D + —	Tuất, H + —
Giáp +	1		51	41	31	21	11
Ất —		2	52	42	32	22	12
Bính +	13		3	53	43	33	23
Đinh —		14	4	54	44	34	24
Mậu +	25		15	5	55	45	35
Kỷ —		26	16	6	56	46	36
Canh +	37		27	17	7	57	47
Tân —		38	28	18	8	58	48
Nhâm +	49		39	29	19	9	59
Quý —		50	40	30	20	10	60

Bảng kết hợp can chi

Chi \ Can	Tí +	Sửu —	Dần, M + —	Thìn, Tỵ + —	Ngọ, M + —	Thân, D + —	Tuất, H + —
Giáp +	4		54	44	34	24	14
Ất —		5	55	45	35	25	15
Bính +	16		6	56	46	36	26
Đinh —		17	7	57	47	37	27
Mậu +	28		18	8	58	48	38
Kỷ —		29	19	9	59	49	39
Canh +	40		30	20	10	60	50
Tân —		41	31	21	11	1	51
Nhâm +	52		42	32	22	12	2
Quý —		53	43	33	23	13	3

Bảng này dùng $C=d[D: 60]$

Nhận thức về con người

*** Con người tự nhiên**

*** Con người xã hội**

Con người tự nhiên

- * Phần bên ngoài: diện mạo
- * Phần bên trong: tạng phủ, hồn, phách

Phần bên ngoài của thể xác

- Thực thể tự nhiên có quan hệ với người cùng huyết thống “con nhà tông...”
- Chịu sự chi phối của thời tiết (sắc mặt thay đổi theo mùa, do mắc các bệnh thời khí, lây lan...), phản ánh tâm lí, tình cảm cá nhân

Phần bên trong của thẻ xác

Bộ phận Bình diện	Các bộ phận/yếu tố				
Tạng	cật	gan	tim	lá lách	phổi
Phủ	bụng đói	mật	ruột non	bao tử	ruột già
Chủ quản	xương, tủy	gân	huyết, mạch	thịt	khí
Khai khiếu	tai	mắt	lưỡi	miệng	da lông
Phần dư	răng	móng	tóc		
Tình chí	sợ > rên	Giận > la hét	Mừng > hát	lo lắng > bần thần	Thương > khóc

Phần hồn, phách

Hồn

- Phần có thể giúp biết nhận thức, tình cảm (giao với 3 cõi: thiên giới, địa giới, nhân giới), có thể tạm xuất khỏi phần xác khi ngủ.

Phách (Vía)

- Phần giúp thể xác đi đứng vững vàng, cũng giúp giữ thần sắc tinh khôn. Phách liên quan đến các khiếu gồm 7 lỗ gắn với các giác quan (có quan điểm cho là 9 lỗ)

* “Hồn xiêu phách lạc”, “kinh hồn khiếp vía”

Con người xã hội

(Quan hệ xã hội và số phận con người)

- **Các quan hệ xã hội:** gia đình, dòng họ, làng xã, bạn bè (ít đề cập quan hệ giai cấp)
- **Tính chất các quan hệ** theo hướng tốt xấu, thiện ác...

* **Số phận con người**

(theo quan niệm về số, phận, mệnh, kiếp, nhân duyên quả báo...)

Tín ngưỡng trong đời sống dân gian

- Tín ngưỡng phồn thực
 - Thờ sinh thực khí + hành vi giao phối
 - Thờ để cầu xin no đủ, sung túc
- Tín ngưỡng sùng bái thể lực tự nhiên
 - Thờ để cầu xin làm ăn thuận lợi, an lành,
- Tín ngưỡng sùng bái thánh thần
 - Thờ vì biết ơn và cầu xin phù hộ, giúp đỡ

Tôn giáo trong đời sống dân gian

- ❑ Tư tưởng Lão tử và Khổng tử ít chi phối đời sống tâm linh người bình dân.
- ❑ Phật giáo hướng đến cái thiện, làm điều lành, tránh điều dữ. Phật Bà là hiện thân của sự cứu khổ cứu nạn.
- ❑ Ki tô giáo hướng đến tình thương yêu và sự tha thứ.

Văn hoá tổ chức của người bình dân Việt Nam

Văn hoá tổ chức của người bình dân Việt Nam

Tổ chức ?

Tổ chức là hoạt động sắp xếp, bố trí, điều khiển tập thể sinh hoạt theo một trật tự nhất định -> XH ổn định, phát triển

Văn hoá tổ chức

- **một loại sản phẩm/** là những tri thức tích lũy trong quá trình sống tập thể; những mô hình quản lý mà con người đã nghĩ ra và thực hiện trong quá trình sản xuất, đấu tranh và xây dựng đời sống cộng đồng
- **kiểu, dạng (hoặc cách thức, hình thức) tư duy được lựa chọn để sắp xếp, quản lý các thành viên trong cộng đồng:** độc tài hay dân chủ, thực thi quyền lực theo trục ngang hay dọc, mô hình tổ chức tương ứng với hình thái kinh tế xã hội hay tụt hậu hoặc đi trước thời đại, cách tổ chức cư trú, tổ chức sinh hoạt theo điều kiện địa lý tự nhiên, theo hình thái kinh tế, theo chế độ xã hội, theo kinh nghiệm truyền thống, theo các lý thuyết giả định v.v..
- > **đặc điểm tư duy (dân tộc, khu vực) => bản sắc**

Các dạng thức tổ chức đời sống cộng đồng ở làng bản Việt Nam

Tổ chức cư trú và quản lý cộng đồng

Tổ chức bản làng

Mô hình cư trú: tập trung thành cụm hình tròn hoặc vuông, có hàng rào bao bọc chung quanh. Làng bản gần nơi có nguồn nước.

Cơ sở hạ tầng: dựa vào tự nhiên, một số nơi dựng nhà sinh hoạt chung cả cộng đồng.

Chế độ mẫu quyền/huyết thống mẫu hệ duy trì lâu đời.

Kinh tế chiếm đoạt và nông nghiệp sơ khai.

Cơ chế dân chủ công xã: già làng trưởng bản tự quản.

Tổ chức làng xã

Yếu tố	Nội dung
Địa bàn cư trú	- Đất làng do dân làng khai phá. Tên làng lấy tên của dòng họ đến khai phá đầu tiên. - Làng được phân bố theo 4 dạng: hình xương cá, ô bàn cờ, hình vành khăn, rời rạc. - Làng gần sông rạch. Khép kín trong lũy tre làng. - Cơ sở hạ tầng mang tính công cộng: đình, giếng, bến nước.
Huyết thống	- Hệ thống tôn ti chặt chẽ đến 9 đời. - Tổ chức Giáp theo hình thức cha truyền con nối.
Nghề nghiệp	- Tổ chức Phường thể hiện sự phân công lao động theo nghề. - Hoạt động của Phường mang tính hợp tác trong làm ăn.
Sở thích	- Tổ chức Hội thể hiện sự phát triển của đời sống tinh thần. - Hoạt động của Hội mang tính tự nguyện, tự giác.
Quản lí hành chính	- Làng tự cử ra người lãnh đạo, quan trên xem xét và công nhận - Quản lí nhân sự bằng sổ Đình, quản lí đất bằng sổ Điền. - Sự phân biệt dân chính cư và dân ngụ cư rất gay gắt.

Tổ chức làng theo nghề

- * Làng thuần nông
- * Làng thủ công

Làng thuần nông

Làng thủ công

NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Dệt Vạn Phúc, Hà Đông

Dệt Nam Định

Dệt Mỹ nghiệp (Ninh Thuận)

Dệt Châu Phong (An Giang)

Dệt thổ cẩm Tây Bắc, Tây Nguyên...

THÊU, ĐAN THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thêu tranh (XQ)

Thêu rèm, màn

Thêu áo

Thêu khăn

Thêu xách, giỏ ...

NGHỀ GỒM THỦ CÔNG

Gồm sứ Bát Tràng

Gồm sứ Thanh Hà (Quảng Nam)

Gồm sứ Lái thiêu (Bình Dương)

Gồm sứ Bàu Trúc (Ninh Thuận)

Gồm sứ Châu Lãng (An Giang)...

Tính chất tổ chức cư trú

Tính chất Tiêu chí		Tính cộng đồng	Tính tự trị
Nội dung		Coi trọng cái chung: công việc chung, ý kiến chung, trách nhiệm chung, lợi ích chung, danh dự chung...	Khẳng định đơn vị : tự đề cử nhân sự quản lí, tự đề ra luật lệ, tự cung tự cấp về kinh tế.
Hệ quả	Tốt	- Liên kết các thành viên, cố kết cộng đồng, tương trợ, hoà đồng. - Phát huy dân chủ làng bản	- Phát huy ưu thế về nhân tài, vật lực tại chỗ. - Có khả năng tự cân chỉnh cao về kinh tế, chính trị ...
	Xấu	- Thủ tiêu vai trò cá nhân. - Thói cáo bằng, đổ kị, ganh ghét.	- Quá đề cao tập thể nhỏ làm nảy sinh bè phái, cục bộ, chú trọng lợi ích nhóm. - Óc tư hữu, ích kỉ - Thói gia trưởng, kẻ cả.

Tổ chức sinh hoạt cộng đồng:

Lễ hội và trò chơi dân gian

Các loại lễ hội dân gian

- * Lễ hội?

- * Lễ hội nghề nghiệp

- * Lễ hội kỉ niệm các anh hùng dân tộc

- * Lễ hội tôn giáo

Khái niệm lễ hội

- * Lễ hội dân gian là một hiện tượng sinh hoạt gồm nhiều thành tố tham gia có tính tổng hợp.
- * Lễ hội là tổ hợp có hàm ý chỉ phần lễ và phần hội nhưng cũng có thể chỉ có một trong hai phần đó.
- Lễ (dân gian) là hệ thống nghi thức cúng bái trang trọng, chặt chẽ, ổn định được xây dựng theo quy ước của mỗi làng xã.
- Hội (dân gian) là hoạt động diễn ra sau phần lễ, khởi đầu bằng đám rước.

Những lễ hội truyền thống

Lễ hội nghề nghiệp

có ý nghĩa tôn vinh nghề nghiệp, ca ngợi công đức của các bậc tổ nghề nghiệp (còn gọi là Tổ sư, Thánh sư), thể hiện đạo lí uống nước nhớ nguồn, cầu mong cho nghề phát triển, thịnh vượng)

Lễ hội kỉ niệm các anh hùng dân tộc

Lễ hội kỉ niệm các anh hùng dân tộc nhằm tái dựng những hiện tượng lịch sử nổi bật. Đó là những sự kiện, những nhân vật lịch sử đã có tác động vào tư duy, tình cảm của cộng đồng. Các lễ hội được tổ chức hàng năm như: Lễ hội đền Hùng, lễ hội Hai Bà Trưng, Lễ hội Thánh Gióng...

Lễ hội tôn giáo

Lễ hội tôn giáo đề cao lực lượng thần thánh đại diện cho cái thiện. Các vị này có vị trí đặc biệt trong tâm linh và tình cảm của dân chúng. Lễ hội còn hướng cộng đồng đến chân, thiện, mỹ, mong ước có được cuộc sống an lành.

Đặc điểm lễ hội truyền thống

- ❑ Sản phẩm của tập thể (một cộng đồng cụ thể): Tập hợp nhiều thành tố, thể hiện sắc diện văn hoá bản mường, phum sóc, làng xã, là sự biểu hiện sinh động văn hoá địa phương.**
- ❑ Kết tinh sự sáng tạo của dân chúng.**
- ❑ Thể hiện đời sống tâm linh, ước muốn và nguyện vọng của cả cộng đồng.**
- ❑ Phô diễn tiềm năng kinh tế của làng xã; bộc lộ trí tuệ, tài hoa của tập thể; phát hiện người có tài, người có tâm với làng xã.**
- ❑ Vui chơi, giải trí.**

Ý nghĩa lễ hội truyền thống

- Giáo dục truyền thống “Uống nước..., tinh thần tôn trọng lịch sử
- Giữ gìn nề nếp làng xã, bản sắc địa phương, vùng miền.
- Cổ kết cộng đồng dân tộc (chống đồng hoá, mất gốc)
- Cũng có niềm tin của dân làng
- Đem lại sinh khí mới cho năm tới

Các trò chơi dân gian

Trò chơi: loại hình giải trí có tính nghệ thuật và tính nhân văn được hình thành và lưu truyền trong dân chúng

Các trò chơi dân gian

(Nhóm trò chơi cùng mục đích, ý nghĩa)

- Trò chơi thể lực (sức mạnh + khéo léo)
- Trò chơi trí tuệ
- Trò chơi tạo tác
- Trò chơi huấn luyện vật để thi đấu
- Trò chơi diễn xướng

Trò chơi thể lực

(Tập sức mạnh + sự nhanh nhẹn, khéo léo)

- Tập sức mạnh:

**kéo co, đá cầu, cướp cờ,
đẩy gậy, đấu vật, vật tay, đua
ghe, ...**

- Tập sự nhanh nhẹn, khéo léo:

**Đánh đánh bi, đánh đáo,
đánh quay, đánh khăng, chuyền
banh, thi nấu cơm, đánh đu,
tung còn, chạy xổ kim, đi cà
kheo, câu pháo ...**

Trò chơi trí tuệ

(Tập tính toán và tư duy phán đoán)

Đánh cờ, chơi ô ăn quan, bịt mắt bắt dê, trốn tìm ...

Trò chơi tạo tác

(Tập kỹ năng tạo ra sản phẩm văn hoá)

**làm pháo đất, làm kèn lá,
làm chong chóng, làm
điều, làm lồng đèn, làm
tò he, cây cảnh, đá cảnh,
chim cảnh, hoa cảnh ...**

Trò chơi huấn luyện vật để thi đấu

(Kĩ năng thuần hoá, điều khiển thú vật)

**chọi gà, đua bò,
chọi trâu, đua voi
...**

Trò chơi diễn xướng

(Tập kỹ năng diễn xướng)

Chi chi chành chành

Tập tầm vông

Rồng rắn lên mây

Kéo cưa lừa xẻ

Đố chữ ...

GIÁ TRỊ CỦA CÁC TRÒ CHƠI DÂN GIAN VIỆT NAM?